

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm dưới tác động tích cực của các nhóm chứng khoán, thép với thanh khoản tăng

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL tăng điểm cùng chiều với diễn biến của thị trường cơ sở.

[Thông tin doanh nghiệp]

TNG, SHS

[Quan điểm đầu tư]

NĐT được khuyến nghị tránh mua đuổi trong các nhịp hồi phục sớm, có thể trải lệnh mua tỷ trọng nhỏ các vị thế trading trở lại khi chỉ số lui về quanh ngưỡng hỗ trợ gần 1220 (+-5)

15/05/2024

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,254.39	+0.89
VN30	1,289.97	+0.99
HĐTL VN30F1M	1,286.10	+0.92
HNXIndex	238.78	+0.77
HNX30	524.40	+1.24
UPCoM	92.10	+0.52
USD/VND	25,450	-0.01
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.76	-0
Lãi suất qua đêm (%)	4.20	+22
Dầu (WTI, \$)	78.53	+0.65
Vàng (LME, \$)	2,373.89	+0.67



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,254.39 (+0.89%)
KLGD (triệu CP) 759.2 (+59.4%)
GTGD (triệu US\$) 870.3 (+41.9%)

TTCK Việt Nam tăng điểm dưới tác động tích cực của các nhóm chứng khoán, thép với thanh khoản tăng. Khối ngoại mua ròng 296.18 tỷ đồng, tập trung tại MWG (+1.16%), HPG (+3.31%), VHM (+0.25%).

HNXIndex 238.78 (+0.77%)
KLGD (triệu CP) 115.0 (+32.4%)
GTGD (triệu US\$) 83.4 (+48.6%)

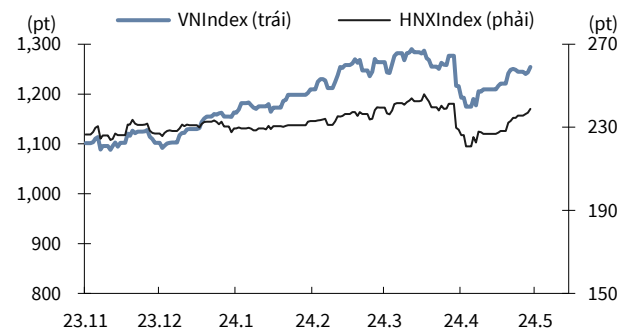
Bộ Tài chính tiếp tục đề xuất gia hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh và tiền thuê đất trong năm 2024 (ước tính tới gần 84,000 tỷ đồng). Cổ phiếu nhóm BĐS tăng giá ở NLG (+1.68%), NVL (+2.90%).

UPCoM 92.10 (+0.52%)
KLGD (triệu CP) 47.1 (+4.5%)
GTGD (triệu US\$) 25.7 (+33.2%)

OPEC giữ nguyên dự báo về mức tăng trưởng nhu cầu thế giới tăng 2.25 triệu thùng/ngày trong năm nay và cho biết có khả năng nền kinh tế thế giới có thể hoạt động tốt hơn dự kiến trong năm nay. Cổ phiếu nhóm Dầu khí tăng giá ở PLX (+1.87%), OIL (+1.03%).

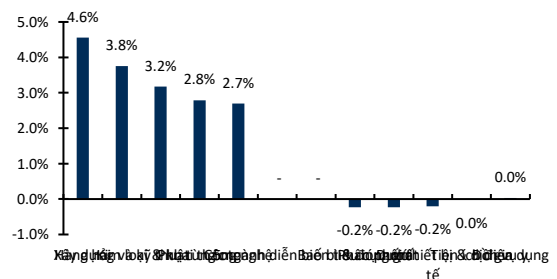
NĐTNN mua ròng (triệu US\$) +11.5

VNIndex & HNXIndex



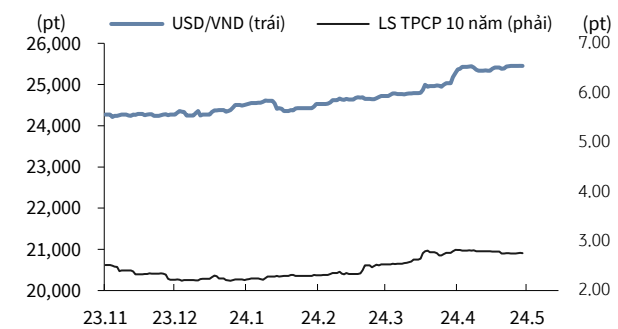
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



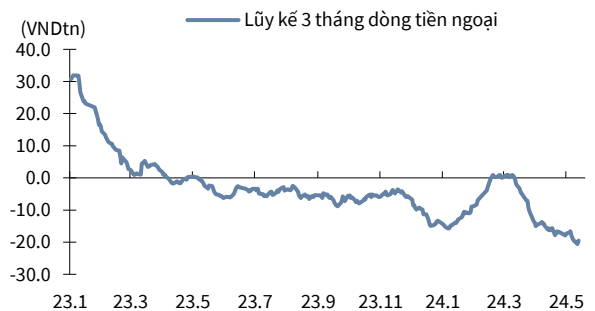
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

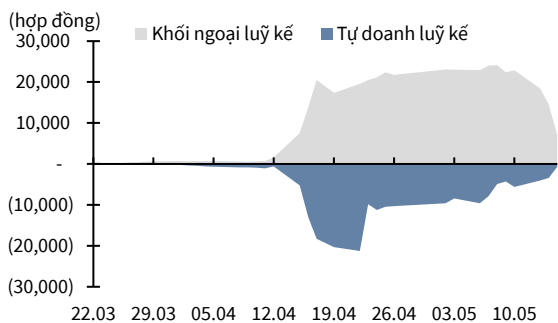
VN30	1,289.97 (+0.99%)
VN30F1M	1,286.1 (+0.92%)
Mở cửa	1,277.3
Cao nhất	1,293.7
Thấp nhất	1,277.3

Các HĐTL tăng điểm cùng chiều với diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch giữa F2405 và VN30 mở cửa tại 0.59 điểm, sau đó biến động quanh mức -3.95 điểm toàn phiên, đóng cửa tại -3.87 điểm. Khối lượng giao dịch giảm.

KLGD (HĐ) **224,343 (-2.4%)**

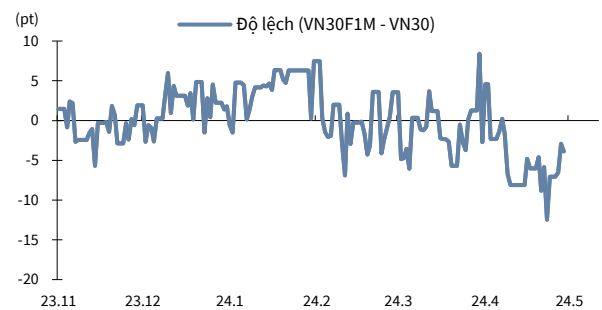
Khối ngoại bán ròng 7,592 HĐTL VN30F2405 và đang duy trì vị thế mua lũy kế 6,984 hợp đồng. Khối tự doanh CTCK mua ròng 2,750 hợp đồng nhưng đang duy trì vị thế bán lũy kế 689 hợp đồng.

Mua/bán lũy kế HĐTL VN30F1M của tự doanh & NĐTNN



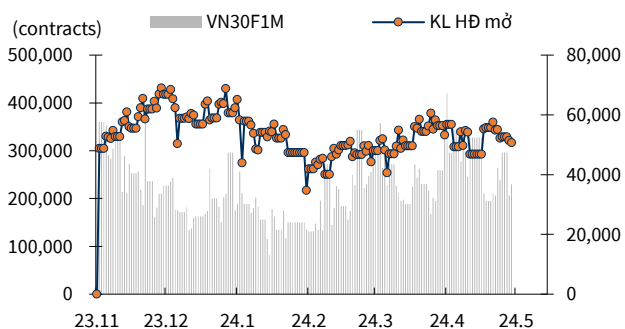
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



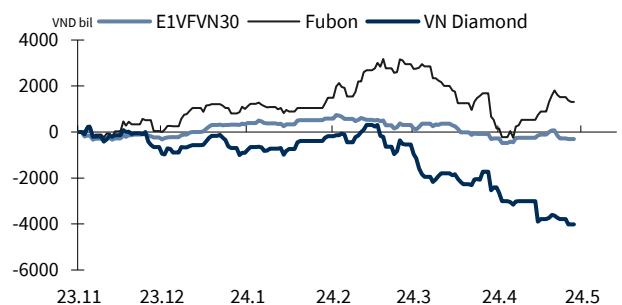
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

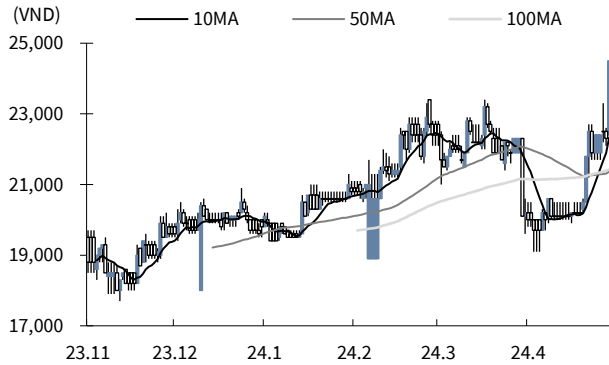
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

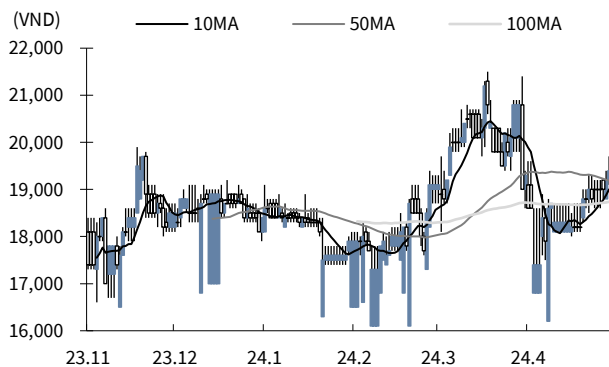
CTCP Đầu tư và Thương mại TNG (TNG)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- TNG tăng 9.87% lên 24,500 VND/cp
- Ban lãnh đạo Dệt may TNG (mã cổ phiếu TNG) cho biết tăng trưởng đơn hàng đang ở mức tích cực, công ty đang lên kế hoạch mở thêm 45 chuyên may để tăng tổng công suất thêm 15% nhằm đáp ứng nhu cầu đơn hàng. Kết thúc quý 1/2024, Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG (TNG - HNX) ghi nhận doanh thu thuần hợp nhất đạt 1,354 tỷ đồng, nhích tăng nhẹ so với cùng kỳ năm ngoái. Biên lợi nhuận gộp duy trì ổn định ở mức 15%. Tuy nhiên, chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp đã tăng 10% so với cùng kỳ năm ngoái; trong khi đó, doanh thu hoạt động tài chính lại giảm tới 30%. Kết quả, Dệt may TNG ghi nhận lợi nhuận ròng gần 42 tỷ đồng, giảm 4% so với quý 1/2023.

CTCP Chứng khoán Sài Gòn (SHS)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- SHS tăng 1.04% lên 19,400 VND/cp
- Chiều 15/5, CTCP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) tổ chức ĐHĐCĐ. Từ lúc hơn 13h, cổ đông đến tham dự đại hội đã rất đông, phải xếp hàng dài để đăng ký. Theo công bố của ban tổ chức, công ty có 5,254 cổ đông, đại diện cho hơn 813 triệu cổ phần. Tổng số cổ đông tham dự và uỷ quyền là 1,633 người, đại diện cho hơn 433 triệu cổ phần, tương ứng 54,59% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. Tại đại hội, HĐQT công ty SHS đã trình kế hoạch kinh doanh năm 2024 với tổng doanh thu và thu nhập khác dự kiến ở mức 1,844 tỷ đồng, tăng gần 26% so với năm 2023; lợi nhuận trước thuế 1,035 tỷ đồng, tăng 51%.

COMPANY REPORT



Techcombank (TCB)

Khởi đầu thuận lợi

Chuyên viên phân tích Phạm Phương Linh
linhpp@kbsec.com.vn

15/05/2024

Cho vay lĩnh vực BĐS dẫn dắt tăng trưởng tín dụng trong quý tới

Chúng tôi dự báo tín dụng của TCB sẽ tiếp tục được dẫn dắt nhờ sự phục hồi của thị trường BĐS: (1) niềm tin của người mua nhà tiếp tục được cải thiện; (2) nguồn cung tăng thêm từ các dự án mới/giai đoạn tiếp sau của dự án hiện hữu gia nhập vào thị trường; (3) Mặt bằng lãi suất được duy trì ở mức hợp lý. Chúng tôi giữ nguyên kỳ vọng cho tăng trưởng tín dụng năm 2024 ở kịch bản cơ sở là 21% YoY.

CASA tạo thêm dư địa để tiếp tục kiểm soát chi phí vốn, NIM hồi phục trước khi lãi suất huy động tăng trở lại

KQKD tương đối tích cực trong quý 1, chúng tôi điều chỉnh nâng mức kỳ vọng NIM năm 2024 cho TCB từ 4.07% (dự phóng cũ) lên 4.34% (+33 bps YoY). Mức NIM kỳ vọng cho năm 2025 là 4.64% được thúc đẩy bởi việc tích cực thu hồi phần hỗ trợ KH từ chính sách Flexible Price.

Cần thêm thời gian để đưa chất lượng tài sản ổn định trở lại

Mặc dù ngân hàng đã tích cực trích lập dự phòng rủi ro tín dụng, song phần xử lý nợ xấu cũng tương đối lớn khiến bộ đệm dự phòng của ngân hàng chưa thực sự ghi nhận sự cải thiện đáng kể. Chúng tôi cho rằng ngân hàng sẽ cần thêm thời gian để cân bằng lại chất lượng tài sản về mức như trước đây khi bối cảnh kinh tế chung hồi phục tốt hơn.

Khuyến nghị TRUNG LẬP, giá mục tiêu 54,500 VNĐ/cp

Sau khi điều chỉnh kỳ vọng về KQKD, chúng tôi nâng mức giá mục tiêu của TCB từ 45,200 VNĐ/cp lên 54,500 VNĐ/cp. Với tiềm năng tăng giá 14% so với giá đóng cửa ngày 14/5/2024, KBSV duy trì quan điểm TRUNG LẬP với cổ phiếu TCB.

TRUNG LẬP duy trì

Giá mục tiêu	VND 54,500
Tăng/giảm (%)	7.8%
Giá hiện tại (14/5/2024)	VND 47,900
Giá mục tiêu đồng thuận	VND 51,000
Vốn hóa thị trường (nghìn tỷ VNĐ/ tỷ USD)	169.6/6.7

Dự phóng KQKD & định giá

Cuối năm tài chính	2022	2023	2024F	2025F
Thu nhập lãi thuần (tỷ VNĐ)	30,290	27,691	32,101	39,509
LN trước CF DPRRTD (tỷ VNĐ)	27,504	26,809	29,715	35,188
LNST ngân hàng mẹ (tỷ VNĐ)	20,436	18,191	20,859	26,018
EPS (đồng/cổ phiếu)	5,729	5,111	5,853	7,296
Tăng trưởng EPS (%YoY)	11%	-11%	15%	25%
PER (x)	7.7	8.6	7.5	6.0
Giá trị sổ sách/CP (BVPS)	32,248	37,368	42,620	49,317
PBR (x)	1.36	1.18	1.03	0.89
ROE (%)	19.8%	14.8%	14.8%	16.1%

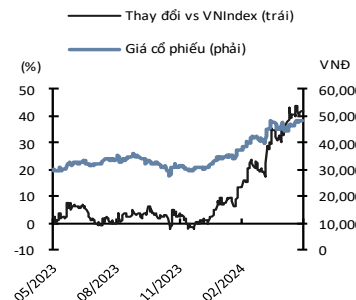
Nguồn: KB Securities Vietnam

Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	65%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VNĐ)/triệu USD	295.6/12.1
Sở hữu nước ngoài (%)	22.5%
Cơ cấu cổ đông	MSN
	(14.96%)

Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	2.3	30.0	57.0	65.5
Tương đối	4.8	26.2	43.8	48.9



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex mở gap và duy trì đà tăng trong hầu hết phiên sáng, sau đó gặp áp lực rung lắc nhẹ về cuối phiên
- Nhóm cổ phiếu trụ đóng vai trò giữ nhịp chính cho thị trường, dẫn dắt chỉ số và thu hút dòng tiền trở lại, đưa trạng thái giao dịch trở lên tích cực hơn. Mặc dù nhịp tăng đi kèm thanh khoản cải thiện đang mở ra cơ hội vượt cản cho VNIndex, rủi ro áp lực điều chỉnh gia tăng trở lại vẫn còn hiện hữu và nhiều khả năng cơ hội hồi phục sẽ trở nên rõ nét hơn khi chỉ số lùi về quanh ngưỡng hỗ trợ 1220 (+5).
- NĐT được khuyến nghị tránh mua đuổi trong các nhịp hồi phục sớm, có thể trải lệnh mua tỷ trọng nhỏ các vị thế trading trở lại khi chỉ số lùi về quanh ngưỡng hỗ trợ gần 1220 (+5).

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1306 – 1310

Kháng cự gần: 1292 – 1295

Hỗ trợ gần: 1276 – 1278

Hỗ trợ xa: 1264 – 1267

- F1 mở gap và duy trì đà tăng trong hầu hết phiên sáng, sau đó gặp áp lực rung lắc nhẹ về cuối phiên
- Chốt chặn quanh 1280 (+10) vẫn đang tương đối khó khăn cho F1, bất chấp những nỗ lực đẩy giá ngay từ đầu phiên của phe Long lên cận trên vùng cản. Mặc dù nhịp tăng đang mở cơ hội vượt cản cho F1, rủi ro áp lực điều chỉnh gia tăng trở lại vẫn còn hiện hữu và nhiều khả năng cơ hội hồi phục sẽ trở nên rõ nét hơn khi chỉ số lùi về quanh ngưỡng hỗ trợ 1240 (+5).
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt trading 2 chiều, Short tại kháng cự, Long tại hỗ trợ.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Mở Short quanh kháng cự gần.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

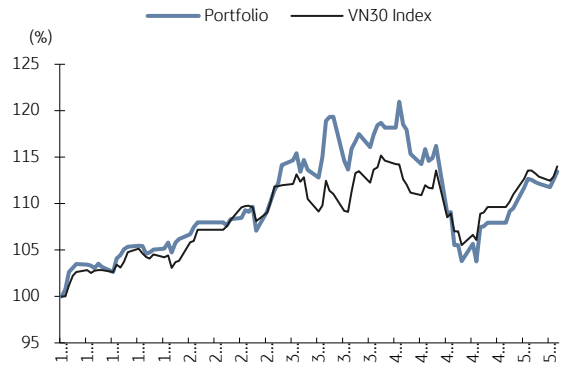
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Khoảng thời gian nắm giữ tiêu chuẩn là 3 tháng. Tuy nhiên danh mục được tái cơ cấu định kỳ vào tuần đầu mỗi tháng.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Danh mục giả định luôn duy trì tỷ trọng 100% cổ phiếu (bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều giữa các mã. NĐT cần kết hợp với xu hướng thị trường và mức độ hấp dẫn của từng mã để điều chỉnh tỷ trọng tương ứng.

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.99%	0.80%
Tăng lũy kế (YTD)	14.01%	13.46%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 15/05/2024	Daily return (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
FPT (FPT)	02/05/2024	134,100	2.8%	8.3%	- Các mảng kinh doanh như CNTT nước ngoài, giáo dục còn nhiều tiềm năng tăng trưởng - Kỳ vọng động lực tăng trưởng dài hạn khi xâm nhập vào mảng chip bán dẫn
PC1 Group (PC1)	01/04/2024	26,950	0.4%	-5.3%	- Quy hoạch điện VIII thúc đẩy mảng xây lắp điện và sản xuất công nghiệp - Doanh thu bán điện hồi phục khi chuyển pha Lanina trong 2H2024 - Triển vọng dài hạn ở mảng Khu công nghiệp
Vietcombank (VCB)	01/03/2024	91,000	0.4%	-7.3%	- Tín dụng tăng trưởng bền vững trong năm 2024 - NIM kỳ vọng được duy trì ổn định nhờ chi phí vốn cải thiện - Bộ đệm dự phòng vững chắc
Vietnam Rubber Group (GVR)	01/04/2024	32,750	0.8%	-1.2%	- Mảng cao su của GVR dự kiến ghi nhận mức tăng trưởng từ sự phục hồi đến từ cả giá và lượng - Nam Tân Uyên 3 và Hiệp Thạnh 1 dự kiến bắt đầu cho thuê
Techcombank (TCB)	02/05/2024	48,100	0.4%	2.8%	- Kỳ vọng tăng trưởng tín dụng tích cực hơn khi BĐS có dấu hiệu hồi phục - Ví mô cải thiện giảm bớt áp lực lên chất lượng tài sản - NIM dự kiến hồi phục nhẹ trong 2024
FPT Digital Retail (FRT)	02/05/2024	163,900	1.0%	1.8%	- Long Châu tiếp tục là động lực tăng trưởng trong dài hạn - Ngành hàng ICT có dấu hiệu tạo đáy
Vinamilk (VNM)	01/04/2024	67,000	0.8%	-0.9%	- Thị phần nội địa dự báo tiếp tục duy trì sau khi thay đổi bộ nhận diện - Biên lợi nhuận tiếp tục duy trì ổn định trong năm 2024 - Thị trường nước ngoài diễn biến tích cực, tiếp đà tăng trưởng trong năm 2024
Kinh Bac Corp (KBC)	01/04/2024	30,250	0.3%	-13.2%	- Quý đất gối đầu liên tục đảm bảo tiềm năng tăng trưởng trong dài hạn cho KBC - KBC dự kiến sẽ cho thuê được 107 ha đất KCN trong 2024
Dat Xanh Group (DXG)	01/04/2024	17,100	0.0%	-13.2%	- Dự kiến mở bán hai dự án Gem Sky World và Gem Riverside trong Quý 2,3/2024 - Bàn giao tại dự án Opal Skyline và Gem Skyworld hỗ trợ lợi nhuận 2024
Mobile World Corp (MWG)	02/05/2024	60,800	1.2%	8.6%	- Chuỗi TGĐB và ĐMX trên đà hồi phục, kỳ vọng quay trở lại làm trụ cột lợi nhuận chính - Bách Hoá Xanh tăng trưởng ấn tượng, đạt mục tiêu hoà vốn, tiếp tục tối ưu trước khi mở rộng

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
MWG	1.2%	48.2%	271.9
HPG	3.3%	25.3%	176.2
NVL	2.9%	3.5%	78.7
DCM	5.2%	8.6%	59.5
APG	3.8%	3.6%	55.4

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VHM	0.3%	18.3%	-142.6
CTG	0.2%	27.2%	-139.5
CMG	1.0%	47.2%	-48.3
MSN	2.3%	30.2%	-44.6
VCI	1.9%	20.9%	-41.2

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
IDC	0.3%	22.6%	24.8
MBS	3.5%	1.0%	18.1
CEO	2.7%	5.1%	13.5
TIG	9.9%	9.6%	7.2
LAS	3.3%	3.3%	3.8

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
PVS	0.2%	21.0%	-4.4
BVS	5.0%	7.5%	-3.1
HUT	-1.2%	1.7%	-0.8
IDJ	-1.6%	0.8%	-0.6
TNG	9.9%	22.1%	-0.5

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hàng hải	12.1%	VSC, VOS, SKG, VTO
Nước	3.2%	BWE, TDM, SII, CLW
Công nghệ	2.9%	FPT, CMG, ELC
Hóa chất	2.8%	GVR, DGC, DPM, DCM
Sản phẩm xây dựng	2.8%	VGC, BMP, SHI, DAG

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dầu, khí và nhiên liệu tiêu hao	-3.3%	PLX, PGC, CNG, GSP
Tiện ích khí	-2.4%	GAS, PGD, PMG
Đồ uống	-1.9%	SAB, BHN, SMB, SCD
Cơ sở hạ tầng & vận tải	-1.8%	GMD, LGC, CII, HAH
Bảo hiểm	-1.5%	BVH, MIG, BIC, BMI

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Công nghệ	16.5%	FPT, CMG, ELC
Bán lẻ hàng chuyên dụng	15.2%	MWG, FRT, CTF, HAX
Hàng hải	11.3%	VSC, VOS, SKG, VTO
Hàng không dân dụng	11.1%	VJC, HVN
Máy móc	8.2%	TCH, HHS, SRF, SHA

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế	-8.7%	TNH, JVC, VMD
Quản lý & phát triển bất động sản	-5.4%	VHM, VIC, NVL, BCM
Tiện ích khí	-5.2%	GAS, PGD, PMG
Hàng dệt, may & hàng xa xỉ	-4.5%	PNJ, TCM, MSH, GIL
Ngân hàng	-4.5%	VCB, BID, VPB, TCB

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)		P/B (X)		Biến động (%)				
							20E	21E	20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD	
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	110,465 (4.4)	22.5	37.6	-	14.7	2.7	-2.6	1.6	1.8	0.7	2.1	-1.4	3.9
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	332,777 (13.1)	26.6	5.2	4.6	35.9	17.2	17.1	0.9	0.8	0.2	-1.6	-5.1	-6.8
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	167,963 (6.6)	17.8	12.1	10.6	-7.6	11.0	11.0	1.2	1.1	0.4	-3.7	-0.7	-4.1
	NVL	NOVALAND INVESTM	45,853	86,712 (3,768)	419,161 (16.5)	31.3	-	-	6.7	-3.7	-6.4	0.8	0.8	2.9	4.4	-13.9	-16.7
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	25,770	19,167 (833)	106,450 (4.2)	11.6	32.0	26.3	13.7	6.5	8.3	1.7	1.7	1.4	1.1	7.4	15.9
	DXG	DAT XANH GROUP	20,008	12,594 (547)	189,971 (7.5)	13.9	38.4	25.3	-	2.7	3.7	1.1	1.1	0.0	1.2	-7.3	-11.6
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	67,686	378,305 (16,441)	117,207 (4.6)	6.3	14.5	12.3	11.7	19.6	19.3	2.5	2.1	0.4	-2.2	-1.1	13.3
	BID	BANK FOR INVESTM	30,621	174,556 (7,586)	71,113 (2.8)	12.7	12.9	10.6	-5.3	18.8	18.8	1.9	1.7	1.0	-2.4	-2.2	12.0
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	451,886 (17.8)	0.0	7.6	6.1	14.3	15.9	17.3	1.1	1.0	0.4	-0.2	8.3	51.3
	CTG	VIETNAM JS COMM	25,516	137,021 (5,955)	320,534 (12.6)	1.4	8.4	6.5	50.3	17.2	18.6	1.2	1.0	0.2	-0.8	-3.3	19.4
	VPB	VIETNAM PROSPERI	15,296	101,381 (4,406)	247,215 (9.7)	0.0	10.6	8.1	18.8	9.9	11.8	1.0	1.0	-0.3	2.7	2.4	-0.8
	MBB	MILITARY COMMERC	14,063	73,327 (3,187)	446,856 (17.6)	0.0	5.6	4.8	14.6	21.8	21.3	1.1	1.0	0.2	1.6	-2.1	22.8
	HDB	HDBANK	14,191	40,641 (1,766)	187,716 (7.4)	4.2	5.3	4.8	23.3	22.9	21.9	1.2	1.0	0.9	-2.5	0.0	15.8
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	344,044 (13.6)	14.0	5.5	3.9	26.5	19.3	22.8	1.0	0.8	2.0	-0.5	1.1	-0.5
	TPB	TIEN PHONG COMME	14,821	28,732 (1,249)	136,489 (5.4)	0.0	6.4	5.3	37.4	16.9	17.7	1.1	0.9	-0.3	1.1	2.6	3.2
EIB	VIETNAM EXPORT-I	13,065	22,745 (988)	125,784 (5.0)	0.2	-	-	27.3	-	-	-	-	0.0	-1.9	3.8	-3.8	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	13,796 (0.5)	21.0	17.2	14.8	15.8	8.1	8.9	1.3	1.3	0.4	-1.3	2.1	2.7
	BMI	BAOMINH INSURANC	20,227	2,439 (106)	2,303 (0.1)	14.2	9.6	8.7	9.1	12.5	12.6	1.0	0.9	-0.4	-1.1	3.1	10.1
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	580,022 (22.9)	55.4	19.7	16.4	-3.2	12.2	12.5	1.9	1.9	1.3	0.8	2.9	9.6
	VCI	VIETCAP	21,154	9,108 (396)	281,924 (11.1)	71.9	29.9	22.2	-4.0	13.4	14.2	3.2	3.1	1.9	0.1	0.1	13.6
	HCM	HO CHI MINH CITY	15,467	8,907 (387)	202,510 (8.0)	52.4	-	-	-19.0	10.2	-	-	-	1.8	3.0	5.6	22.1
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	259,160 (10.2)	27.2	18.1	13.6	36.3	10.7	11.8	1.6	1.6	1.4	0.5	2.7	-5.6
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	225,822 (8.9)	42.1	15.5	14.5	4.0	27.9	29.1	4.4	4.2	0.8	-1.3	3.2	-0.9
	SAB	SAIGON BEER ALCO	96,250	123,447 (5,365)	50,028 (2.0)	36.9	17.4	16.2	7.3	17.6	18.3	3.0	2.9	0.9	-2.2	4.7	-8.6
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	363,063 (14.3)	16.5	59.5	28.7	-51.9	7.2	10.9	3.7	3.9	2.3	-0.1	7.9	7.8
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	7,294 (0.3)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	0.0	3.7	8.2	-10.2
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	119,714 (4.7)	11.0	37.1	21.6	-88.5	12.5	17.6	-	-	0.3	-0.1	10.8	8.6
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	180,287 (7.1)	10.8	23.1	20.9	-57.0	13.7	14.2	2.7	2.5	0.9	-2.2	6.0	17.7
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	86,931 (3.4)	38.4	-	-	65.7	-	-	-	-	2.1	0.9	-0.6	-0.6
Công nghiệp (Tư bản)	CTR	VIETTEL CONSTRUC	55,596	6,360 (276)	62,163 (2.4)	48.0	31.2	25.8	26.2	28.5	30.6	7.3	6.2	7.0	4.5	16.0	47.4
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	293,627 (11.6)	37.7	35.9	17.7	-14.4	5.9	7.3	1.6	1.6	1.6	2.7	3.7	-4.9
	CTD	COTECCONS CONSTR	54,900	5,438 (236)	73,363 (2.9)	3.6	22.3	15.0	-52.4	3.1	4.6	0.7	0.7	1.2	-0.3	3.3	-0.9
	REE	REE	45,066	18,419 (800)	93,411 (3.7)	0.0	11.3	9.7	-4.5	12.4	13.6	1.3	1.3	0.0	0.3	9.4	17.3

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)		P/B (X)		Biến động (%)				
							20E	21E	20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD	
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	75,083	172,447 (7,494)	64,170 (2.5)	46.1	15.5	14.4	-17.5	16.9	16.8	2.5	2.3	0.4	-2.5	-0.7	0.0
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	13,539 (0.5)	31.4	-	24.7	-10.5	4.4	8.1	1.6	1.6	-0.7	-1.6	-0.5	-10.6
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	9,395 (0.4)	34.1	7.4	6.7	-5.1	16.4	17.5	-	-	-0.3	3.5	20.7	8.8
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	643,606 (25.4)	18.0	14.1	10.1	21.9	12.1	15.2	1.6	1.4	3.3	1.6	9.5	11.6
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	64,930 (2.6)	36.5	18.1	16.0	-0.5	5.3	8.3	1.2	1.2	3.0	1.8	7.1	4.2
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	108,819 (4.3)	46.5	13.5	12.2	-4.5	14.3	15.3	1.9	1.8	5.2	6.0	15.7	11.7
	HSG	HOA SEN GROUP	18,314	11,063 (481)	165,445 (6.5)	38.9	15.9	11.8	67.9	8.9	13.6	1.2	1.0	1.7	2.7	-0.5	-7.0
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	30,284 (1.2)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	0.0	3.7	10.4	17.5
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	43,931 (1.7)	4.6	15.0	13.7	-51.0	11.2	11.7	1.7	1.6	1.9	-4.5	6.1	10.7
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	157,351 (6.2)	39.9	18.2	11.9	-11.9	6.2	8.1	1.1	1.1	0.0	0.9	4.4	12.7
	PVT	PETROVIET TRANSP	16,273	5,793 (252)	109,409 (4.3)	35.9	9.0	7.8	2.2	15.4	15.1	1.2	1.1	-0.7	4.3	22.1	22.1
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	731,227 (28.8)	0.0	30.7	17.6	14.4	12.3	15.4	3.5	3.1	1.2	2.9	21.8	42.1
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	65,625	19,895 (865)	149,862 (5.9)	0.0	15.0	12.9	2.4	21.2	21.1	2.9	2.5	0.3	-0.9	0.2	12.4
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	23,403	1,261 (055)	9,430 (0.4)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	1.8	-1.2	5.0	-21.7
	FRT	FPT DIGITAL RETA	16,348	2,227 (097)	126,161 (5.0)	30.3	109.4	38.9	-75.2	19.2	24.6	11.8	9.3	1.0	0.9	18.0	53.2
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	23,905 (0.9)	34.6	19.2	14.6	41.2	13.8	18.0	2.4	2.2	0.7	2.9	8.2	21.9
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	1,656 (0.1)	45.4	15.3	14.9	10.7	20.3	20.5	-	-	-0.2	3.4	1.7	11.9
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	49,275	61,301 (2,664)	446,056 (17.6)	0.0	21.7	17.6	15.5	29.0	29.1	4.9	4.1	2.8	2.4	20.2	39.5

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích doanh nghiệp

Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Trưởng nhóm
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích
linhpp@kbsec.com.vn

Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên phân tích cao cấp
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Dương Nguyên – Chuyên viên phân tích
nguyenn1@kbsec.com.vn

Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Nguyễn Trường Giang – Chuyên viên phân tích
giangnt1@kbsec.com.vn

Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích
anhntn@kbsec.com.vn

Công nghệ thông tin & Tiện ích

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích
thuann1@kbsec.com.vn

Dầu khí & Hóa Chất

Phạm Minh Hiếu – Chuyên viên phân tích
hieupm@kbsec.com.vn

Khối phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc vĩ mô & Chiến lược đầu tư
anhhd@kbsec.com.vn

Vĩ mô & Ngân hàng

Hồ Đức Thành – Chuyên viên phân tích
thanhhd@kbsec.com.vn

Vũ Thu Uyên – Chuyên viên phân tích
uyenvt@kbsec.com.vn

Chiến lược đầu tư

Nghiêm Sỹ Tiến – Chuyên viên phân tích
tienss@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 16&17, Tháp 2, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.